BÀI GIẢNG: LESSON 1

CHUYÊN ĐỀ: UNIT 3 - MY FOREIGN FRIENDS

TIẾNG ANH 5 GLOBAL SUCCESS

GIÁO VIÊN: NGUYỄN THỊ HOÀI THU - TUYENSINH247.COM

NEW WORDS.

STT	New words	Pronunciation	Meaning
1	**Nation**	/ˈneɪʃən/	Quốc gia
2	**Nationality**	/ˌnæʃəˈnælɪti/	Quốc tịch
3	**Australia**	/ɒˈstreɪ.li.ə/	Nước Úc
4	**Australian**	/ɒˈstreɪ.li.ən/	Người Úc
5	**Malaysia**	/məˈleɪ.zi.ə/	Mã Lai
6	**Malaysian**	/məˈleɪ.zi.ən/	Người Mã Lai
7	**America**	/əˈmer.ɪ.kə/	Nước Mỹ
8	**American**	/əˈmer.ɪ.kən/	Người Mỹ
9	**Japan**	/dʒəˈpæn/	Nhật Bản
10	**Japanese**	/ˌdʒæp.əˈniːz/	Người Nhật Bản

LOOK, LISTEN AND REPEAT.



STRUCTRE

Q What nationality is he / she?

A He's / She's _____.

Q: What nationality is he?

A: He's British.



LISTEN, POINT AND SAY.

a 

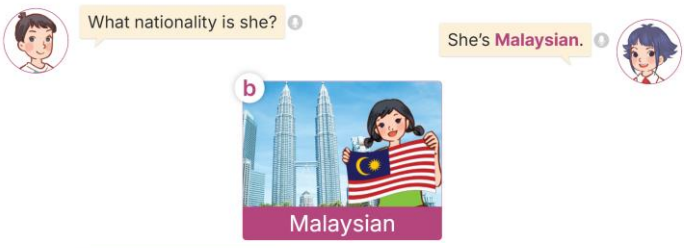
b 

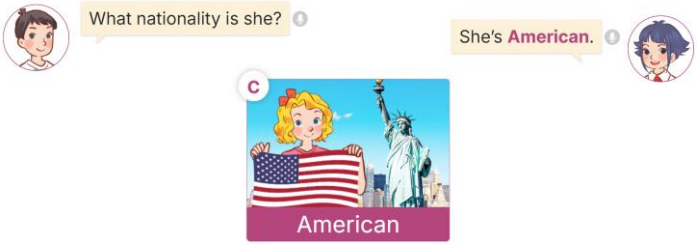
c 

d 

Gợi ý:







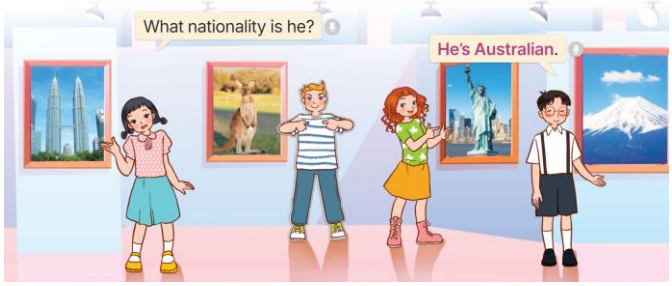


LET'S TALK.



Gợi ý:











LISTEN AND TICK.

1.



2.



Gợi ý: *1. a* *2. b*

Audio script:

1. A: Look at Sam.

B: Who? Is he playing football?

A: Yes, he is.

B: What nationality is he?

A: He's Japanese.

2. A: Is your new friend from Malaysia?

B: No, she isn't.

A: What nationality is she?

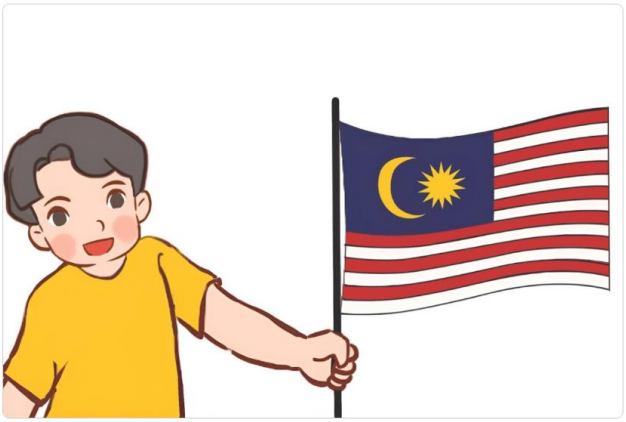
B: She's Australian.



READ AND CIRCLE.



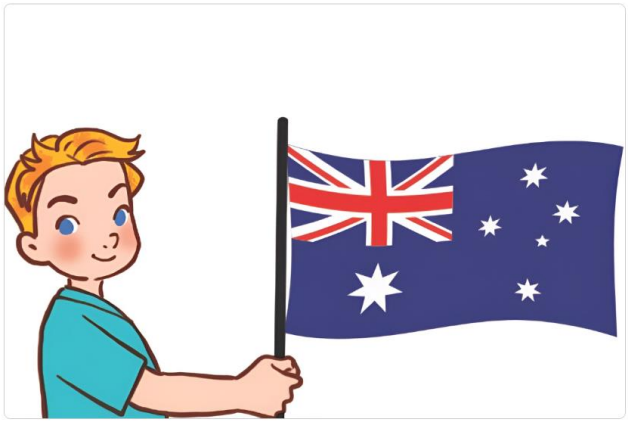
1. This is Sally. She's from **Britain** / **America**.



2. This is Afan. He's **Malaysian** / **British**.



3. *A:* **What nationality** / **Where** is Sakura?
   B: She's **Indian** / **Japanese**.

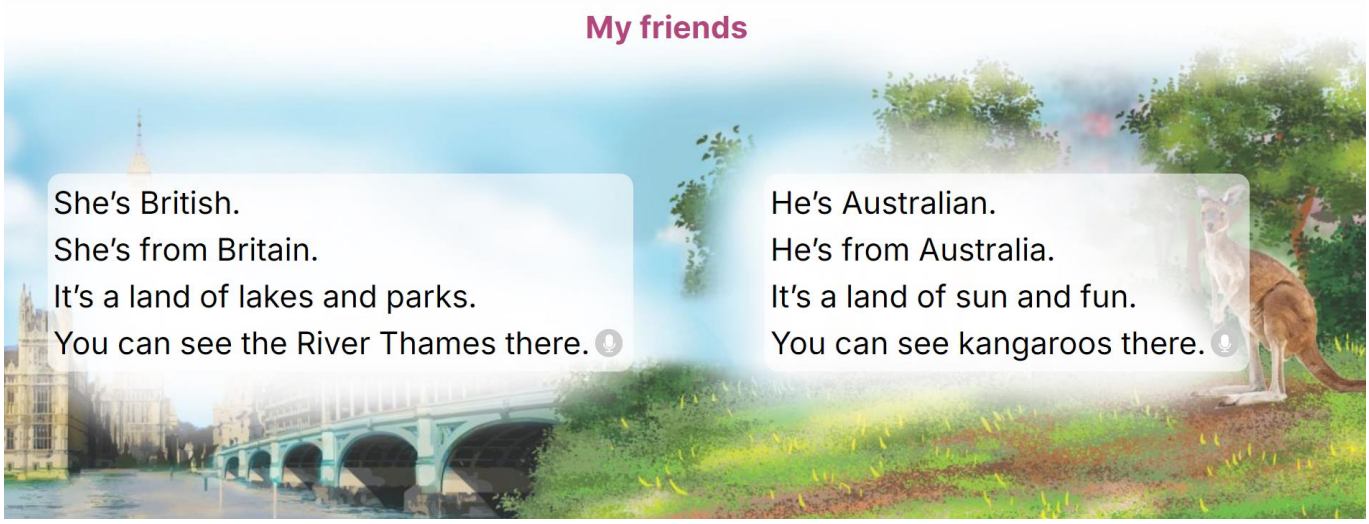


4. *A:* What nationality **is** / **was** Tommy?
   B: He's **Australian** / **Chinese**.

Gợi ý: *1. America* *2. Malaysian*

3. What nationality – Japanese *4. is - Australian*

LET'S SING.



FUN CORNER

Wrap up